

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế
trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 99/TTr-SYT ngày 08/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách do Sở Y tế lập kèm theo Tờ trình số 99/TTr-SYT ngày 08/3/2022 và kinh phí hỗ trợ cho người phải cách ly y tế trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
-----	----------------	----------	---------------------------	--------------------	------------

1	- Chính sách hỗ trợ trẻ em (chính sách số 07 - mức 1.000.000 đồng/trẻ)	59		1.000.000	59.000.000
2	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	486	9.366	80.000	749.280.000
	Tổng cộng:				808.280.000
	Bằng chữ:	<i>Tám trăm lẻ tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng</i>			

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ kịp thời cho đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về đối tượng nhận hỗ trợ trên địa bàn phụ trách và chỉ đạo lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Giao Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn đơn vị về quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung có liên quan và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định; tổ chức giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Y tế, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận và Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TBXH;
- Chánh, Phó CVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX, CVNC;
- Lưu: VT, pthtran, "HT".



Nguyễn Lưu Trung

Số: 99 /TTr-SYT

Kiên Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh sách thực hiện chính sách hỗ trợ đối

VP. UBND TỈNH KIÊN GIANG

ĐẾN

Số: 1472

Ngày: 29/3/2022

Chuyên: *Đến*

Số và ký hiệu HS:

người điều trị Covid-19, cách ly y tế trên địa bàn
huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Công văn số 126/UBND-KGVX ngày 07/12/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt danh sách thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người phải điều trị, cách ly y tế trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận.

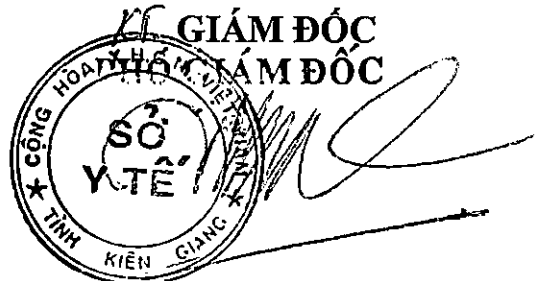
Sở Y tế đã tiếp nhận danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận. Qua đó, Sở Y tế tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với 545 trường hợp với tổng số tiền **808.280.000 đồng** (Tám trăm lẻ tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) cho người phải cách ly y tế.

(Kèm theo Bảng tổng hợp, Phụ lục 08c, dự thảo Quyết định phê duyệt).

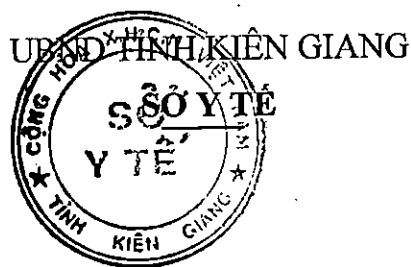
Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. *Ng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Trang: HSCV;
- Phòng KH-TC SYT;
- Lưu: VT, TCCB, lvtung.



Đỗ Thiện Tùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP

**Hỗ trợ người phải điều trị COVID-19,
cách ly y tế theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ
và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang**

(Kèm theo Tờ trình số 44 /TTr-SYT ngày 08/3/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

Stt	Loại đối tượng	Số lượng	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền/người/ngày	Thành tiền
1	- Chính sách hỗ trợ trẻ em (chính sách số 07 - mức 1.000.000 đồng/trẻ)	59		1.000.000	59.000.000
2	- Chính sách hỗ trợ cho người phải điều trị COVID-19, cách ly y tế (chính sách số 08 - mức 80.000 đồng/người/ngày)	486	9.366	80.000	749.280.000
	Tổng cộng:	545			808.280.000
	Bằng chữ:	<i>Tám trăm lẻ tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng</i>			

120

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH F0, F1, TRẺ EM NHẬN HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số: 99...../TTr- SYT ngày 08/3/2022 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
I.	F0, F1 NHẬN HỖ TRỢ							
	XÃ PHONG ĐÔNG							
1	Lê Văn Xuyên	05/05/1952		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
2	Lê Văn Nhất	16/04/1984		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
3	Lê Thuý Diễm		01/09/1991	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
4	Lê Trung Đoàn	06/07/1978		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
5	Nguyễn Thị Tú		01/01/1959	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
6	Nguyễn Thị Vồn		01/01/1987	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
7	Lê Thị Loan		02/05/1975	Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		
8	Trương Văn Phước	01/01/1977		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
9	Lê Văn Luốc	01/01/1980		Cái Chanh	16/08/2021	1.680.000		
10	Hồ Tuyết Nhung		01/01/1961	Cái Chanh	22/08/2021	1.680.000		
11	Danh Nhanh	01/01/1983		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
12	Danh Sóc Thi	18/10/1977		Cái Chanh	16/08/2021	1.680.000		
13	Võ Văn Thắng	01/01/1955		Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		
14	Nguyễn Thanh Vũ	01/01/1996		Cái Chanh	12/08/2021	1.680.000		
15	Lê Văn Hồi	25/05/1970		Cái Chanh	10/08/2021	1.680.000		
16	Lê Văn Phó	09/03/2005		Cái Chanh	10/08/2021	1.680.000		
17	Bùi Văn Hào	01/01/1985		Cái Chanh	12/08/2021	1.680.000		
18	Nguyễn Hồng Nga		01/01/1964	Cái Chanh	13/08/2021	1.680.000		
19	Nguyễn Thị Khéo		01/01/1962	Cái Chanh	10/08/2021	1.680.000		
20	Lê Văn Hôn	01/01/1975		Cái Chanh	10/08/2021	1.680.000		
21	Võ Văn Út	01/01/1972		Cái Chanh	18/08/2021	1.680.000		
22	Lê Thị Xiêm		07/07/1972	Cái Chanh	22/08/2021	1.680.000		
23	Nguyễn Ngọc Liên	01/01/1977		Cái Chanh	22/08/2021	1.680.000		
24	Nguyễn Thị Trang		08/12/1931	Cái Chanh	16/08/2021	1.680.000		
25	Quách Bích Tiền		19/06/1986	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
26	Võ Thị Tuyết Ngoan		10/03/1985	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
27	Võ Trung Hiếu	17/09/1987		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
28	Lê Minh Vương	01/01/1972		Cái Chanh	22/08/2021	1.680.000		
29	Nguyễn Sơn Anh	01/01/1986		Cái Chanh	07/09/2021	960.000		F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
30	Huỳnh Ngọc Kiều		03/10/1979	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
31	Đinh Thị Trung		01/01/1983	Cái Chanh	18/08/2021	1.680.000		
32	Nguyễn Thị Bé Ngoan		04/03/1996	Cái Chanh	16/08/2021	1.680.000		
33	Lê Văn Chơn	30/12/1990		Cái Chanh	14/08/2021	1.680.000		
34	Huỳnh Văn Hoàng	01/01/1982		Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
35	Huỳnh Ngọc Yến		29/10/2021	Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
36	Trương Thị Đẹp		01/01/1956	Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
37	Huỳnh Thị Ba		16/8/2021	Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
38	Trần Văn Dũng	16/06/1984		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
39	Trần Văn Xuyên	20/04/1989		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
40	Danh Miên	18/03/1981		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
41	Châu Văn Nhã	15/04/1985		Cái Chanh	24/08/2021	1.680.000		
42	Võ Thị Sinh		01/01/1963	Cái Chanh	24/08/2021	1.680.000		
43	Nguyễn Văn Hiệp	01/01/1963		Cái Chanh	24/08/2021	1.680.000		
44	Nguyễn Thị Kim Kiều		01/01/1981	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
45	Danh Quyền	12/12/1995		Cái Chanh	29/08/2021	1.600.000		
46	Lê Phú Sĩ	20/10/2003		Cái Chanh	31/08/2021	880.000		F0
47	Lê Thị Mộng		29/7/2001	Cái Chanh	18/08/2021	1.440.000		F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
48	Nguyễn Thị Đào		16/4/1976	Cái Chanh	20/08/2021	1.520.000		F0
49	Nguyễn Thị Mai		01/01/1953	Cái Chanh	18/08/2021	800.000		F0
50	Huỳnh Ngọc Thành		20/08/2008	Cái Chanh	25/08/2021	1.840.000		F0
51	Danh Yến Linh		23/04/2001	Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
52	Lê Văn Thanh	01/01/1970		Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		
53	Trương Thị Xiểu Luyến		01/01/1974	Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		F0
54	Danh Trang	01/01/1978		Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		
55	Lê Kim Phượng		02/02/1993	Cái Chanh	11/08/2021	1.680.000		
56	Trần Thị Phí		19/04/1974	Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		
57	Bùi Thanh Cam	01/01/1992		Cái Chanh	17/08/2021	1.680.000		
58	Nguyễn Thị Chung		01/01/1977	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
59	Võ Văn Tài	01/01/1976		Cái Chanh	19/08/2021	1.680.000		
60	Võ Trung Tín	01/01/2008		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
61	Danh Chúc Huỳnh		14/05/2006	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
62	Lê Chí Nguyên	11/03/2020		Cái Chanh	16/08/2021	1.680.000		
63	Trương Hoàng Kiêm	06/04/2010		Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
64	Trương Kim Loan		07/04/2007	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
65	Danh Thị Kim Cương		27/12/2008	Cái Chanh	25/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
66	Lê Thị Cẩm Đang		26/12/2012	Cái Chanh	28/08/2012	1.680.000		
67	Võ Văn Vững	10/11/1976		Cái Chanh	22/08/2021	1.680.000		
68	Nguyễn Ngọc Ánh		17/02/2007	Cái Chanh	23/08/2021	1.680.000		
69	Nguyễn Lê Tường Vi		02/11/2019	Cái Chanh	11/08/2021	1.680.000		
70	Lê Minh Luân	30/09/2007		Cái Chanh	28/08/2021	1.680.000		
71	Nguyễn Thành Kiên	12/01/2021		Cái Chanh	18/08/2021	880.000		F0
72	Nguyễn Văn Sơn	01/01/1970		Thạnh Đông	17/08/2021	1.680.000		
73	Võ Thị Nhanh		01/01/1977	Thạnh Đông	17/08/2021	1.680.000		
74	Trần Mộng Cẩm		01/01/1982	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
75	Trần Văn Kiệt	01/01/1981		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
76	Danh Lê Khả Nghiêm	01/02/2002		Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
77	Lê Thị Nguyệt		02/2/1981	Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
78	Trương Thị Liễu		01/01/1977	Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
79	Trần Văn Nới	01/01/1971		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
80	Huỳnh Thị Diễm		16/9/1977	Thạnh Đông	18/08/2021	1.680.000		
81	Trương Văn Khởi	16/09/1965		Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
82	Trương Văn Đức	19/07/1970		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
83	Nguyễn Văn Nhó	02/10/1978		Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
84	Danh Bảnh	06/08/1970		Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
85	Châu Thị Út		06/8/1973	Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
86	Nguyễn Văn Nước	01/01/1973		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
87	Cừ Phi Na	26/06/1985		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
88	Lê Thanh Tâm	01/01/1986		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
89	Thị Hoa		01/01/1990	Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
90	Danh Phái	01/01/1976		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
91	Huỳnh Thị Thanh Kiều		29/3/1969	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
92	Trần Văn Út	01/01/1980		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
93	Bùi Thị Kim Nhiều		25/8/1983	Thạnh Đông	31/08/2021	880.000		F0
94	Bùi Thanh Trường	17/11/1983		Thạnh Đông	11/08/2021	1.680.000		
95	Lê Văn Co	01/01/1970		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
96	Nguyễn Thị Thu Ba		06/6/1981	Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
97	Lê Văn Em	19/09/1974		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
98	Nguyễn Hoàng Vũ	29/11/1986		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
99	Tạ Xuân Tường	01/01/1960		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
100	Trần Thị Nhanh		03/11/1986	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
101	Lâm Thị Xanh		12/4/1983	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
102	Trần Thị Kiều		01/1/1979	Thạnh Đông	22/08/2021	1.680.000		
103	Lê Ngọc Mãi		19/8/2004	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
104	Lê Ngọc Giàu		16/9/2001	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
105	Trương Hồng Ngân		01/1/1980	Thạnh Đông	25/08/2021	880.000		F0
106	Lương Thị Ngọc Ái		01/01/1982	Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		
107	Tạ Đức Hợp	01/01/1984		Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
108	Võ Kim Phong		01/1/1968	Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
109	Nguyễn Trọng Tính	09/05/2004		Thạnh Đông	28/08/2021	1.680.000		
110	Nguyễn Văn Nuôi Em	01/01/1961		Thạnh Đông	17/08/2021	1.680.000		
111	Nguyễn Thị Thùy Dương		11/6/1998	Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		
112	Lê Thị Lệ Thủy		09/9/1971	Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
113	Danh Thị Miêng		01/1/1975	Thạnh Đông	17/08/2021	1.680.000		
114	Nguyễn Thị Kim Dền		29/10/2002	Thạnh Đông	31/08/2021	1.440.000		
115	Nguyễn Thị Đuộm		01/01/1978	Thạnh Đông	31/08/2021	1.440.000		
116	Trương Thị Tiêm		18/5/1996	Thạnh Đông	16/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
117	Nguyễn Thủy Dương		01/01/1976	Thạnh Đông	17/08/2021	1.680.000		
118	Đỗ Thị Lan		01/01/1986	Thạnh Đông	31/08/2021	1.200.000		
119	Dương Thị Diệu Linh Em		29/11/1976	Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		
120	Nguyễn Thị Thuý An		11/06/1997	Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		
121	Nguyễn Thị Quýt		10/10/1953	Thạnh Đông	28/08/2021	1.680.000		
122	Nguyễn Hoàng Lâm	10/01/1973		Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		
123	Nguyễn Tị Sạch		24/10/1973	Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		
124	Nguyễn Thanh Toàn	01/01/1979		Thạnh Đông	31/08/2021	880.000		F0
125	Trần Đông Khoa	04/09/1999		Thạnh Đông	26/08/2021	1.680.000		
126	Trần Văn Tùng	10/04/1983		Thạnh Đông	30/08/2021	1.440.000		
127	Lý Kim Mừng		01/01/1957	Thạnh Đông	22/08/2021	1.680.000		
128	Châu Thị Luyến		05/10/1989	Thạnh Đông	25/08/2021	1.120.000		F0
129	Nguyễn Tiến Dương	04/04/2012		Thạnh Đông	19/08/2021	1.680.000		
130	Trần Minh Đường	11/11/2006		Thạnh Đông	23/08/2021	1.680.000		
131	Lê Hoài Thương	20/04/2010		Thạnh Đông	20/08/2021	1.680.000		
132	Lê Minh Trường	09/01/2015		Thạnh Đông	28/08/2021	1.680.000		
133	Danh Nhật Duy	10/04/2013		Thạnh Đông	25/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
134	Trần Văn Cù	02/6/2006		Thanh Đông	31/08/2021	1.440.000		
135	Nguyễn Thị Phương Thảo		16/01/2008	Thanh Đông	31/08/2021	1.440.000		
136	Nguyễn Thị Yến Nhi		22/8/2011	Thanh Đông	27/08/2021	880.000		F0
137	Lâm Thị Đức		04/11/1964	Thanh Đông	11/08/2021	1.680.000		
138	Nguyễn Thị Kim Nguyễn		06/06/2003	Thanh Đông	26/08/2021	1.680.000		
139	Trương Thị Loan		01/01/1973	Thanh Đông	20/08/2021	1.680.000		
140	Trần Thị Thuý Hằng		01/01/1978	Thanh Đông	16/08/2021	1.680.000		
141	Trần Văn Kiệt	15/01/1980		Thanh Đông	16/08/2021	1.680.000		
142	Trần Nguyễn Kiều Như		22/3/2012	Thanh Đông	25/08/2021	1.120.000		F0
143	Thị Kim Em		25/8/1988	Cái Nhum	11/08/2021	1.680.000		
144	Danh Thị Bồ Khoa		01/01/1985	Vĩnh Thạnh	11/08/2021	1.680.000		
145	Thái Văn Tâm	28/06/1983		Vĩnh Thạnh	11/08/2021	1.680.000		
146	Danh Chiến	01/1/1992		Vĩnh Thạnh	23/08/2021	1.680.000		
147	Nguyễn Pa Ri	17/03/2001		Ruộng Sạ 2	26/08/2021	1.680.000		
148	Thái Trường Sơn	01/01/1987		Ruộng Sạ 2	16/07/2021	1.680.000		
	Tổng					239.120.000		
	XÃ VĨNH BÌNH BẮC							
149	Phạm Thị Chuyên		17/09/1968	ấp Ba Đình	07/12/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
150	Huỳnh Thị Kim Nữ		01/01/1965	ấp Ba Đình	07/12/2021	1.680.000		
151	Thị Mỹ Nhân		02/09/1994	ấp Bình Hòa	15/7/2021	1.680.000		
152	Nguyễn Chí Thúc	17/8/1994		ấp Bình Minh	07/10/2021	1.120.000		
153	Phan Thị Phụng		01/01/1950	ấp Bình Minh	08/12/2021	1.680.000		
154	Nguyễn Hằng Ny		19/03/2003	ấp Bình Minh	08/12/2021	1.680.000		
155	Danh Phi Long	01/01/1975		ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
156	Danh Việt	07/02/1970		ấp Đồng Tranh	28/8/2021	1.520.000		
157	Trần Thị Loan		01/01/1979	ấp Đồng Tranh	24/8/2021	1.680.000		
158	Hứa Thanh Liêm	01/01/1975		ấp Đồng Tranh	24/8/2021	1.680.000		
159	Thị Rai		01/01/1969	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
160	Thị Phi Ái		22/03/2006	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
161	Lý Hoàng Oanh		01/01/1980	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
162	Thị Muội		01/01/1967	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
163	Danh Dung	01/01/1996		ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
164	Thị Hoa		01/01/1978	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.440.000		
165	Lê Thị Bé Thương		12/10/1982	ấp Đồng Tranh	24/8/2021	1.680.000		
166	Phùng Thị Đệt		01/01/1977	ấp Đồng Tranh	31/8/2021	1.120.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
167	Nguyễn Văn Hiện	01/01/1976		ấp Đồng Tranh	31/8/2021	1.120.000		
168	Phạm Văn Ca	01/01/1990		ấp Đồng Tranh	28/8/2021	1.680.000		
169	Phạm Văn Huy	26/03/1997		ấp Đồng Tranh	24/8/2021	1.680.000		
170	Lưu Bá Khánh Chinh	19/05/1995		ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
171	Nguyễn Thị Hồng Nga		11/03/1975	ấp Hiệp Hòa	13/7/2021	1.120.000		F0
172	Nguyễn Văn Cẩm	01/01/1943		ấp Hiệp Hòa	13/7/2021	1.520.000		F0
173	Nguyễn Út Nhỏ	01/01/1978		ấp Hiệp Hòa	9/7/2021	1.680.000		
174	Nguyễn Phi Long	02/04/1989		ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
175	Thị Hồng Oanh		10/12/1990	ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
176	Nguyễn Thiên Khánh	30/10/2017		ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
177	Nguyễn Khánh Hà		17/01/2021	ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
178	Nguyễn Thị Kim Em		01/01/1954	ấp Hiệp Hòa	22/7/2021	1.200.000		F0
179	Nguyễn Thúy Quỳnh		01/01/1985	ấp Hiệp Hòa	20/7/2021	1.680.000		
180	Nguyễn Văn Xum	01/01/1954		ấp Hiệp Hòa	20/7/2021	1.680.000		
181	Lê Bé Hiền		10/2/1995	ấp Hiệp Hòa	6/7/2021	1.680.000		
182	Nguyễn Văn Ý	01/02/1991		ấp Hiệp Hòa	6/7/2021	1.680.000		
183	Nguyễn Thị Diệu		01/01/1981	ấp Hiệp Hòa	6/7/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
184	Nguyễn Văn An	01/1/1969		ấp Hiệp Hòa	17/7/2021	1.680.000		
185	Lê Thị Nữa		01/01/1973	ấp Hiệp Hòa	17/7/2021	1.680.000		
186	Nguyễn Văn Nhuận	01/1/1962		ấp Hiệp Hòa	17/7/2021	1.680.000		
187	Nguyễn Văn Hiếu	01/01/1948		ấp Hiệp Hòa	4/8/2021	1.680.000		
188	Nguyễn Chí Thâm	01/01/1984		ấp Hiệp Hòa	4/8/2021	1.680.000		
189	Dương Thị Tuyết Nga		01/01/1973	ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.680.000		
190	Danh Mừng	08/03/1989		ấp Hiệp Hòa	26/8/2021	1.680.000		
191	Trần Tiền Em	01/01/1987		ấp Hòa Thạnh	14/7/2021	1.680.000		
192	Phan Văn Chơn	01/01/1987		ấp Hòa Thạnh	07/10/2021	1.120.000		
193	Nguyễn Trọng Quân	18/06/1985		Bình Minh	21/08/2023	1.680.000		
194	Trần Thế Quyền	04/04/1983		ấp Hòa Thạnh	07/10/2021	1.120.000		
	Tổng					71.440.000		
	XÃ BÌNH MINH							
195	Nguyễn Văn Khởi	01/1/1982		Bình Minh	29/08/2021	1.440.000		
196	Nguyễn Thị Hương Lan		11/3/2009	Bình Minh	01/09/2021	800.000		F0
197	Lê Thị Ái Lil		25/12/2001	Bình Minh	14/08/2021	1.680.000		
198	Ngô Trường An	01/1/1986		Bình Minh	29/08/2021	1.280.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
199	Lê Hồng Khanh	01/1/1987		Bình Minh	29/08/2021	1.280.000		
200	Lâm Thị Linh		01/01/1979	Bình Minh	29/08/2021	1.520.000		
201	Phan Văn Giang	01/1/1968		Bời Lồi B	04/07/2021	1.680.000		
202	Trang Thị Lài		01/1/1965	Bời Lồi B	04/07/2021	1.680.000		
203	Võ Thắng Em	01/1/1976		Bời Lồi B	04/07/2021	1.680.000		
204	Nguyễn Văn Chắc	01/1/1987		Bời Lồi B	04/07/2021	1.680.000		
205	Lê Văn Lương	01/1/1995		Bời Lồi B	04/07/2021	1.680.000		
206	Nguyễn Thị Ái Hằng		29/12/2012	Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
207	Nguyễn Thị Cà Mau Út		01/1/1991	Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
208	Nguyễn Văn Tùng Anh	01/1/1980		Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
209	Lê Thị Cúc		01/1/1950	Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
210	Lê Phú Quý	02/6/2020		Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
211	Nguyễn Văn Tư	01/1/1944		Bời Lồi B	31/08/2021	1.280.000		
212	Nguyễn Văn Nám	01/1/1989		Cái Nứa	29/08/2021	1.440.000		
213	Phạm Thị Lệ Thao		01/1/1978	Cái Nứa	25/08/2021	1.680.000		
214	Nguyễn Thị Anh		01/1/1951	Cái Nứa	17/07/2021	1.680.000		
215	Lê Văn Lũy	01/1/1956		Cái Nứa	17/07/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
216	Nguyễn Thị Ái		01/1/2006	Cái Nứa	29/08/2021	1.120.000		F0
217	Nguyễn Văn Phương	01/1/1978		Cái Nứa	29/08/2021	1.360.000		
218	Nguyễn Văn Tiến	25/12/1997		Cái Nứa	29/08/2021	1.360.000		
219	Nguyễn Vũ Linh	16/9/1984		Cái Nứa	02/09/2021	1.120.000		
220	Nguyễn Thị Hằng		01/1/1990	Cái Nứa	23/08/2021	1.680.000		
221	Lâm Thị Lon		01/1/1981	Cái Nứa	29/08/2021	1.520.000		
222	Mai Thị Kiều Tiên		13/12/1983	Cái Nứa	29/08/2021	1.520.000		
223	Trần Thị Đàm		01/1/1984	Cái Nứa	30/08/2021	1.280.000		
224	Trần Thị Chi	01/1/1967		Cái Nứa	29/08/2021	1.520.000		
225	Lê Bích Ngọc	01/1/1988		Cái Nứa	24/08/2021	1.680.000		
226	Trương Công Lĩnh	18/1/1993		Cái Nứa	24/08/2021	1.680.000		
227	Nguyễn Văn Trạng	01/1/1985		Cái Nứa	24/08/2021	1.680.000		
228	Lê Thị Sen		01/01/1976	Ấp Bời Lồi B	22/08/2021	1.680.000		
	Tổng					49.760.000		
	XÃ VĨNH PHONG							
229	Phạm Thị Loan		10/10/1989	ấp Căn Cứ	26/07/2021	1.120.000		F0
230	Trần Văn Lúa	01/01/1993		ấp Căn Cứ	22/07/2021	1.040.000		F0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
231	Trần Gia Ngân		28/05/2019	ấp Căn Cứ	22/07/2021	1.040.000		F0
232	Trần Gia Mỹ		23/11/2020	ấp Căn Cứ	26/07/2021	1.120.000		F0
233	Lê Tấn Cu Đen	05/10/1983		ấp Cảnh Đền	05/08/2021	560.000		
234	Mai Thị Đông		01/01/1977	ấp Cảnh Đền	05/08/2021	560.000		
235	Thạch Thị Ngọc Mai		20/11/1989	ấp Cảnh Đền	05/08/2021	560.000		
236	Nguyễn Văn Đê	01/01/1949		ấp Cảnh Đền	11/08/2021	1.680.000		
237	Nguyễn Thị Ngọc Hà		01/01/1984	ấp Cảnh Đền	05/08/2021	560.000		
238	Nguyễn Văn Bảo Ghê		16/12/2001	ấp Cảnh Đền	05/08/2021	560.000		
239	Huỳnh Thị Hương		01/01/1956	ấp Cảnh Đền	11/08/2021	1.680.000		
240	Võ Hoàng Diện	30/12/1980		ấp Cảnh Đền	16/07/2021	1.680.000		
241	Phạm Thị Loan		01/01/1975	ấp Cảnh Đền 1	15/07/2021	2.800.000		F0
242	Trịnh Thanh Phong	01/01/1973		ấp Cảnh Đền 1	05/08/2021	560.000		
243	Trần Kim Lụa		13/10/1983	ấp Cảnh Đền 1	05/08/2021	560.000		
244	Nguyễn Thị Diệu		01/01/1974	ấp Cảnh Đền 1	05/08/2021	560.000		
245	Võ Chí Tú		20/07/1981	ấp Cảnh Đền 1	08/07/2021	1.680.000		
246	Võ Văn Kiệt	24/10/1997		ấp Cảnh Đền 1	05/08/2021	560.000		
247	Huỳnh Văn Phong	01/01/1974		ấp Cảnh Đền 1	05/08/2021	560.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
248	Phan Huỳnh Phúc Ân	08/11/2007		ấp Cạnh Đèn 1	05/08/2021	560.000		
249	Nguyễn Thị Oanh		01/01/1989	ấp Cạnh Đèn 2	05/08/2021	560.000		
250	Ngô Văn Bằng	01/01/1977		ấp Cạnh Đèn 2	05/08/2021	560.000		
251	Lê Thị Thảo		16/07/1986	ấp Cạnh Đèn 2	03/08/2021	2.720.000		
252	Lý Thị Minh		01/01/1972	ấp Cạnh Đèn 2	05/08/2021	560.000		
253	Lâm Thị Thơm		01/01/1981	ấp Cạnh Đèn 3	05/08/2021	560.000		
254	Nguyễn Văn Chanh	01/01/1959		ấp Cạnh Đèn 3	29/07/2021	1.680.000		
255	Hồ Thị Tèo		01/01/1956	ấp Cạnh Đèn 3	29/07/2021	1.680.000		
256	Nguyễn Văn Phi liếp Phil	30/11/2000		ấp Cạnh Đèn 3	29/07/2021	1.680.000		
257	Trương Kim Thắm		10/10/1991	ấp Cạnh Đèn 3	14/07/2021	1.680.000		
258	Lê Văn Hứa	13/03/1973		ấp Cạnh Đèn 3	23/08/2021	1.680.000		
259	Nguyễn Kim Hận		01/01/1974	ấp Cạnh Đèn 3	23/08/2021	1.680.000		
260	Nguyễn Minh Đẩu	01/01/1990		ấp Đập Đá 1	21/07/2021	1.680.000		
261	Trần Thúy Duy		16/02/1995	ấp Đập Đá 2	09/07/2021	1.680.000		
262	Nguyễn Văn Gìn	02/10/1989		ấp Ruộng Sạ 1	18/07/2021	3.520.000		F0
263	Nguyễn Văn Khang	05/02/1996		ấp Ruộng Sạ 1	29/07/2021	1.680.000		
264	Nguyễn Văn Vũ	01/01/1968		ấp Ruộng Sạ 1	29/07/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
265	Nguyễn Thị Thuý		01/01/1968	ấp Ruộng Sạ 1	29/07/2021	1.680.000		
266	Phạm Văn Tien	01/01/1973		ấp Ruộng Sạ 1	05/08/2021	560.000		
267	Trịnh Thị Thanh Giang		11/01/1985	ấp Ruộng Sạ 1	16/07/2021	1.680.000		
268	Võ Văn Trọng	10/11/1982		ấp Ruộng Sạ 1	26/08/2021	1.680.000		
269	Lưu Thị Cẩm Tiên		29/11/1995	ấp Vĩnh Tây 2	26/08/2021	1.680.000		
270	Nguyễn Văn Đel	07/09/1991		Ấp Đập Đá 1	21/08/2021	1.680.000		
271	Lê Thanh Trung	15/09/1975		Cạnh Đền I	21/08/2021	1.680.000		
	Tổng					55.920.000		
	XÃ VĨNH THUẬN							
272	Huỳnh Thị Mỹ Hương		01/01/1974	Ấp Bờ Xáng	12/08/2021	1.120.000		
273	Nguyễn Gia Huy	19/11/2004		Ấp Bờ Xáng	13/08/2021	1.120.000		
274	Nguyễn Chí Tôn	04/02/1986		Ấp Bờ Xáng	25/07/2021	1.120.000		
275	Trương Út Diễm		01/01/1986	Ấp Bờ Xáng	25/07/2021	1.120.000		
276	Phạm Thị Bích Ngọc		02/04/2001	Ấp Đồn Dong	04/06/2021	1.680.000		
277	Mai Văn Diễm	18/02/1988		Ấp Đồn Dong	01/08/2021	1.120.000		
278	Đinh Thị Thúy		10/03/1996	Ấp Đồn Dong	01/08/2021	1.120.000		
279	Nguyễn Thị Phượng		01/01/1967	Ấp Kênh 11	09/07/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
280	Nguyễn Thị Tố Trinh		19/05/1989	Ấp Kênh 13	29/07/2021	2.400.000		F0
281	Trương Nhật Anh	27/02/2003		Ấp Kênh 13	12/07/2021	1.680.000		
282	Đỗ Thanh Kiệt	29/01/1985		Ấp Kênh 13	25/06/2021	1.680.000		
283	Trần Phong Nhã	02/09/1988		Ấp Kênh 13	12/07/2021	1.680.000		
284	Lê Thanh Tâm	01/01/1978		Ấp Kênh 14	11/07/2021	1.680.000		
285	Phạm Thị Cẩm Linh		08/02/1995	Ấp Kênh 14	16/07/221	1.680.000		
286	Nguyễn Văn Trên	15/12/1994		Ấp Kênh 14	22/07/2021	1.680.000		
287	Phan Li Em	01/01/1986		Ấp Kênh 14	06/06/2021	1.680.000		
288	Nguyễn Thị Thúy Nga		01/01/1952	Ấp Kênh 3	07/08/2021	1.840.000		F0
289	Lê Thị Tuyết Xuân		01/01/1982	Ấp Kênh 3	24/07/2021	1.680.000		
290	Nguyễn Văn Bảo	08/08/1976		Ấp Kênh 3	24/07/2021	1.680.000		
291	Huỳnh Văn Lợi	01/03/1970		Ấp Kênh 3	24/07/2022	1.680.000		
292	Nguyễn Thị Bích		01/01/1977	Ấp Kênh 3	24/07/2021	1.680.000		
293	Hồ Thị Xường		01/01/1959	Ấp Kênh 3	24/07/2023	1.680.000		
294	Ngô Thị Út		01/01/1958	Ấp Kênh 3	24/07/2021	1.680.000		
295	Lê Thị Ảnh		25/07/1971	Ấp Kênh 3	24/07/2024	1.680.000		
296	Nguyễn Thị Chí Linh		01/01/1970	Ấp Kênh 3	24/07/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
297	Võ Văn Chính	01/01/1965		Ấp Kênh 3	24/07/2026	1.680.000		
298	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1967	Ấp Kênh 3	26/07/2021	1.680.000		
299	Nguyễn Văn Nhận	01/01/1964		Ấp Kênh 3	13/08/2021	1.680.000		
300	Trần Thị Cúc		01/01/1964	Ấp Kênh 3	13/08/2021	1.680.000		
301	Nguyễn Khánh Tường	16/03/2000		Ấp Ranh hạt	06/07/2021	1.680.000		
302	Trần Thị Loan		01/01/1973	Ấp Ranh Hạt	06/08/2021	1.680.000		
303	Trần Văn Điền	20/11/1951		Ấp Ranh Hạt	06/08/2021	1.680.000		
304	Phan Trung Nguyên	01/01/1989		Ấp Vĩnh Trinh	14/07/2021	1.680.000		
305	Trần Văn Tuấn Anh	15/08/2000		Ấp Vĩnh Trinh	13/08/2021	1.680.000		
306	Trần Minh Nhựt	01/01/1979		Ấp Vĩnh Trinh	13/08/2021	1.680.000		
307	Nguyễn Anh Tuấn	20/02/1970		Ấp Vĩnh Trinh,	22/07/2021	1.680.000		F0
308	Trương Việt Thanh	06/04/1996		Ấp Bờ Sáng	21/08/2021	1.680.000		
309	Lê Minh Luân	19/07/1995		Ấp Bờ Sáng	21/08/2021	1.680.000		
	Tổng cộng					61.360.000		
	XÃ VĨNH BÌNH NAM							
310	Trần Văn Tròn	27/11/1994		Ấp Bình Phong	04/7/2021	1.680.000		
311	Nguyễn Khánh Duy	06/12/1997		Ấp Bình Phong	14/7/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
312	Nguyễn Như Huyền		04/10/2007	Ấp Bình Phong	23/8/2021	1.680.000		
313	Nguyễn Văn Bảo	01/01/1956		Ấp Bình Phong	23/8/2019	1.680.000		
314	Nguyễn Thị Thêm		01/01/1958	Ấp Bình Phong	23/8/2021	1.680.000		
315	Lê Hoàng Khang	06/02/2006		Ấp Bình Thành	28/8/2021	880.000		F0
316	Nguyễn Ngọc Nuôi		01/01/1987	Ấp Bình Thành	30/8/2021	1.600.000		F0
317	Nguyễn Như Ý		13/10/2005	Ấp Bình Thành	30/8/2021	1.440.000		F0
318	Bùi Quốc Anh	27/05/2006		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
319	Nguyễn Thị Tường Vy		10/06/2005	Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
320	Lý Hồng Hoa		01/01/1972	Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
321	Nguyễn Hoàng Linh	21/04/1999		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
322	Phạm Thị Tuyền		01/01/1968	Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
323	Bùi Văn Chín	01/01/1959		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
324	Nguyễn Văn Non	01/01/1967		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
325	Nguyễn Hiếu Tâm	19/10/1996		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	880.000		F0
326	Huỳnh Văn Thương	01/01/1968		Ấp Bời Lời A	02/9/2021	1.200.000		F0
327	Nguyễn Long Hồ	17/07/1989		Ấp Bời Lời A	12/8/2021	1.680.000		
328	Trần Văn Đức	13/04/1993		Ấp Bời Lời A	12/8/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
329	Huỳnh Thiên Hưng	11/01/2006		Ấp Bời Lời A	12/8/2021	1.680.000		
330	Nguyễn Hoài Tính	25/05/1984		Ấp Bời Lời A	04/7/2021	1.680.000		
331	Thái Văn Hưng	01/03/1982		Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
332	Thái Thị Quế Trân		11/03/2005	Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
333	Thái Văn Phúc	31/07/2012		Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
334	Nguyễn Văn Lành	01/01/1977		Ấp Bời Lời A	11/8/2021	1.680.000		
335	Nguyễn Thị Nhanh		01/01/1958	Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
336	Phạm Văn Việt	01/02/1969		Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
337	Nguyễn Văn Liễm	01/01/1965		Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
338	Trần Văn Nghiêm	01/07/1984		Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
339	Nguyễn Thị Thảo		20/01/1969	Ấp Bời Lời A	09/8/2021	1.680.000		
340	Nguyễn Ngọc Thắm		01/07/1976	Ấp Bời Lời A	05/8/2021	1.680.000		
341	Huỳnh Trọng Nhân	01/01/1996		Ấp Bời Lời A	28/8/2021	1.680.000		
342	Đặng Thị Thiện		01/01/1968	Ấp Bời Lời A	24/8/2021	1.680.000		
343	Nguyễn Nhựt Anh	21/12/2002		Ấp Bời Lời A	04/9/2021	1.200.000		
344	Lê Văn Đảnh	11/07/1967		Ấp Bời Lời A	26/8/2021	1.680.000		
345	Lê Thị Thùy Trang		23/11/1989	Ấp Bời Lời A	29/8/2021	1.440.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
346	Lý Yến Trinh		01/02/1998	Ấp Bời Lồi A	04/9/2021	1.200.000		
347	Ngô Thị Ly		01/01/1980	Ấp Bời Lồi A	04/9/2021	1.200.000		
348	Nguyễn Văn Chí	01/01/1972		Ấp Bời Lồi A	31/8/2021	1.280.000		
349	Nguyễn Thị Đào		15/04/1972	Ấp Bời Lồi A	31/8/2021	1.280.000		
350	Nguyễn Như Lộc		17/03/2006	Ấp Bời Lồi A	31/8/2021	1.280.000		
351	Nguyễn Thị Như Ca		17/01/1986	Ấp Bời Lồi A	25/8/2021	1.680.000		
352	Nguyễn Văn Nét	04/02/1976		Ấp Bời Lồi A	27/8/2021	1.520.000		
353	Trương Đức An	01/07/2000		Ấp Bời Lồi A	04/9/2021	1.200.000		
354	Trương Văn Hiệu	01/01/1973		Ấp Bời Lồi A	04/9/2021	1.200.000		
355	Nguyễn Thị Soàn		04/07/2002	Ấp Bời Lồi A	27/8/2021	1.520.000		
356	Trần Thị Yến Nhi		25/10/2001	Ấp Bời Lồi A	29/8/2021	1.360.000		
357	Thị Lý		02/01/1971	Ấp Bời Lồi A	29/8/2021	1.360.000		
358	Nguyễn Thị Tiếp		01/01/1977	Ấp Bời Lồi A	09/8/2021	1.680.000		
359	Phạm Thị Mỹ		01/01/1959	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
360	Nguyễn Văn Quốc	01/01/1983		Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
361	Huỳnh Thị Trang		01/01/1986	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
362	Nguyễn Thị Hiền		22/12/1986	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
363	Nguyễn Thị Nhiên		27/09/2005	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
364	Nguyễn Phi Long	11/06/2017		Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
365	Nguyễn Ngọc Khả Hân		12/03/2018	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
366	Nguyễn Ngọc Bích Hằng		14/05/2013	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
367	Nguyễn Quốc Chiến	01/01/1979		Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.680.000		
368	Nguyễn Thị Chung		20/10/1966	Ấp Hòa Thành	13/8/2021	1.680.000		
369	Nguyễn Thị Thùy		01/01/1969	Ấp Hòa Thành	13/8/2021	1.680.000		
370	Đặng Văn Thanh	01/01/1992		Ấp Hòa Thành	28/8/2021	1.680.000		
371	Nguyễn Văn Chuộng	01/01/1975		Ấp Hòa Thành	28/8/2021	1.680.000		
372	Nguyễn Khắc Duy	28/12/2004		Ấp Hòa Thành	28/8/2021	1.680.000		
373	Lê Văn Đoàn	01/01/1985		Ấp Hòa Thành	20/8/2021	1.680.000		
374	Võ Văn Bằng	01/01/1972		Ấp Hòa Thành	16/8/2021	1.680.000		
375	Nguyễn Thị Tho		24/12/1992	Ấp Hòa Thành	23/8/2021	1.680.000		
376	Huỳnh Quốc Công	01/01/1977		Ấp Hòa Thành	19/8/2021	1.680.000		
377	Lê Thị Chính		01/01/1973	Ấp Hòa Thành	01/9/2021	1.120.000		
378	Nguyễn Văn Đẩu	22/03/1984		Ấp Tân Phong	04/7/2021	1.680.000		
379	Nguyễn Văn Hiệp	01/01/1980		Ấp Tân Phong	05/7/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
380	Lê Thị Thắm		01/01/1978	Ấp Tân Phong	05/7/2021	1.680.000		
381	Trần Thị Diễm		01/01/1979	Ấp Tân Phong	24/8/2021	1.680.000		
382	Võ Hoài Ân	01/01/1989		Ấp Tân Phong	24/8/2021	1.680.000		
383	Trương Phương Tường		01/01/1990	Ấp Tân Phong	24/8/2021	1.680.000		
384	Nguyễn Thị Thiệp		01/01/1975	Bờ Lờ A	15/8/2021	1.680.000		F0
385	Nguyễn Văn Kỳ		11/02/2003	Bờ Lờ A	15/8/2021	2.320.000		F0
386	Nguyễn Văn Bé	01/01/1950		Bờ Lờ A	16/8/2021	1.040.000		F0
387	Tô Thanh Tuấn	15/03/1976		Bình Phong	21/08/2021	1.680.000		
	Tổng					117.680.000		
	XÃ TÂN THUẬN							
388	Đào Công Anh	24/04/1982		Ấp Kênh 3	21/08/2021	1.680.000		
389	Hứa Hữu Hưng	02/10/1981		Ấp Kinh 1	15/07/2021	1.680.000		
390	Trương Bích Như		01/01/1987	Ấp Kinh 2	16/07/2021	1.680.000		
391	Nguyễn Kỳ Anh	13/05/1999		Ấp Kinh 2A	16/07/2021	1.680.000		
392	Phạm Thị Trắng		01/01/1978	Ấp Kinh 2A	16/07/2021	1.680.000		
393	Nguyễn Văn Tập	01/01/1975		Ấp Kinh 2A	16/07/2021	1.680.000		
394	Nguyễn Thị Hạnh		07/03/1969	Ấp Kinh I	21/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
395	Lê Văn Chon	01/01/1981		Ấp Kinh I	25/08/2021	1.680.000		
396	Lê Phước Thọ	14/03/2006		Ấp Kinh I	25/08/2021	1.680.000		
397	Lê Thị Bích Nghi		01/06/2010	Ấp Kinh I	25/08/2021	1.680.000		
398	Nguyễn Thị Dân		01/01/1963	Ấp Kinh I	25/09/2021	1.680.000		F0
399	Nguyễn Văn Bước	01/01/1963		Ấp Kinh I	29/08/2021	1.360.000		
400	Lê Văn Lâm	01/01/1960		Ấp Kinh I	20/08/2021	2.240.000		
401	Nguyễn Thanh Toàn	23/05/2002		Ấp Kinh I	20/08/2021	2.240.000		
402	Trần Tuấn Anh	31/01/2019		Ấp Kinh I	14/09/2021	1.120.000		
403	Trần Gia Khánh		22/02/2012	Ấp Kinh I	14/09/2021	1.120.000		
404	Trần Thanh Giang	01/01/1989		Ấp Kinh I	14/09/2021	1.120.000		
405	Trần Thanh Thúy		03/08/1989	Ấp Kinh I	16/09/2021	1.200.000		F0
406	Trần Khánh Ly		15/08/2014	Ấp Kinh I	16/09/2021	1.200.000		F0
407	Trần Khánh Đăng	25/07/2010		Ấp Kinh I	16/09/2021	1.200.000		F0
408	Nguyễn Trọng Nhân	08/05/1998		Ấp Kinh IA	02/08/2021	1.680.000		
409	Huỳnh Minh Tàu	20/08/1966		Ấp Kinh IA	21/08/2021	1.680.000		
410	Phan Việt Thúy		29/05/1968	Ấp Kinh IA	21/08/2021	1.680.000		
411	Trần Văn Mục Em	10/11/1992		Ấp Kinh IA	23/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
412	Dương Thị Thi		24/08/1994	Ấp Kinh IA	23/08/2021	1.680.000		
413	Lê Thanh Thà	01/01/1993		Ấp Kinh IA	23/08/2021	1.680.000		
414	Trần Thị Hằng		01/01/1985	Ấp Kinh IA	25/08/2021	1.680.000		F0
415	Nguyễn Thị Ái Ngọc		20/10/1979	Ấp Kinh IA	29/08/2021	1.360.000		
416	Duy Thị Mận		27/04/1992	Ấp Kinh IA	06/09/2021	1.120.000		F0
417	Trần Thị Khánh Thi		13/11/2014	Ấp Kinh IA	06/09/2021	800.000		F0
418	Đặng Thị Cà Chiêm Chì		01/01/1960	Ấp Kinh IA	07/09/2021	1.040.000		F0
419	Trần Thiện Văn	30/08/2013		Ấp Kinh IA	06/09/2021	1.120.000		
420	Trần Thiện Nhân	29/07/2017		Ấp Kinh IA	06/09/2021	1.120.000		
421	Trần Văn Cửa	30/08/1985		Ấp Kinh IA	06/09/2021	1.120.000		
422	Mai Văn Phong	01/01/1979		Ấp Kinh IA	28/08/2021	1.520.000		
423	Trần Văn Hồng	01/01/1962		Ấp Kinh IA	21/08/2021	1.120.000		
424	Lê Thị Cẩm Khiêm		10/06/1986	Ấp Kinh IA	06/9/20219	1.680.000		
425	Thạch Sang	01/01/1948		Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
426	Thị Chương		01/01/1968	Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
427	Lâm Bửu Đăng	01/01/1968		Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
428	Thái Thị Thung		01/01/1971	Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
429	Danh Đạm	01/01/1984		Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
430	Danh Liệm	01/01/1970		Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
431	Thị Ngọt		01/01/1973	Ấp Kinh II	23/08/2021	1.680.000		F0
432	Son Thị Hồng Ngân		19/09/2002	Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		F0
433	Danh kỳ Anh	14/04/2009		Ấp Kinh II	31/08/2021	1.680.000		F0
434	Danh Trung	04/12/2013		Ấp Kinh II	25/08/2021	1.680.000		F0
435	Thị Xương		01/01/1958	Ấp Kinh II	31/08/2021	1.680.000		F0
436	Thị Thảo		04/05/2001	Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		
437	Thạch Thị Tú Trân		01/01/2018	Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		
438	Thạch Quyên	01/01/2020		Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		
439	Trần Ô Trung	17/02/1994		Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		
440	Thị Hà		01/01/1976	Ấp Kinh II	18/08/2021	1.680.000		
441	Danh Nam	09/04/2012		Ấp Kinh II	16/08/2021	1.680.000		
442	Thạch Cường	01/01/1989		Ấp Kinh II	20/08/2021	1.680.000		F0
443	Thị Long		02/12/1963	Ấp Kinh II	17/08/2021	1.680.000		
444	Phạm Thị Ngọc Du		28/12/1991	Ấp Kinh II	21/08/2021	1.680.000		
445	Mai Thị Trúc Phương		28/01/1979	Ấp Kinh II	21/08/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
446	Lê Hoàng Lăng	30/07/1983		Ấp Kinh II	21/08/2021	1.680.000		
447	Trần Minh Lộc	26/03/1995		Ấp Kinh IIA	21/08/2021	1.680.000		
448	Đặng Thị Ngọc Khen		03/09/1986	Ấp Kinh IIA	26/08/2021	1.680.000		
449	Phan Thanh Hoài	08/07/1994		Ấp Kinh IIA	29/08/2021	1.360.000		
450	Lư Thị Cẩm Thi		20/06/2000	Ấp Kinh IIA	29/08/2021	1.360.000		
451	Phan Thanh Lộc	16/02/2017		Ấp Kinh IIA	29/08/2021	1.360.000		
452	Phan Thanh Huyền		16/09/2018	Ấp Kinh IIA	29/08/2021	1.360.000		
453	Nguyễn Văn Thiện	19/05/1991		Ấp Kinh IIA	23/09/2021	1.120.000		
454	Thị Điều		19/11/1994	Ấp Kinh IIA	23/09/2021	1.120.000		
455	Lê Văn Nguyễn	16/11/1986		Ấp Lò Rèn	21/08/2021	1.680.000		
456	Nguyễn Văn Điền	12/12/1987		Ấp Thắng Lợi	21/08/2021	1.680.000		
457	Phạm Văn Linh	16/12/1982		Ấp Thắng Lợi	21/08/2021	1.680.000		
458	Phan Công Bảo	06/04/1974		Ấp Thắng Lợi	01/08/2021	1.680.000		
459	Đỗ Thị Nam		01/01/1978	Ấp Thắng Lợi	01/08/2021	1.680.000		
460	Hồ Văn Bé	01/01/1964		Ấp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		
461	Đặng Thị Mới		01/01/1962	Ấp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		F0
462	Hồ Danh Nuôi	01/01/1983		Ấp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
463	Hồ Văn Khang	20/09/1985		Áp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		
464	Hồ Vũ Đức	01/07/1987		Áp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		
465	Nguyễn Ngọc Trùy	03/10/1974		Áp Vĩnh Lộc	29/07/2021	1.680.000		F0
466	Lê Thị Ngọc Hồ		01/01/1977	Áp Vĩnh Lộc	29/07/2021	1.680.000		
467	Nguyễn Văn Thanh Toàn	09/7/2013		Áp Vĩnh Lộc	29/07/2021	1.680.000		
468	Đinh Thị Ngọc Tuyền		01/01/1979	Áp Vĩnh Lộc	14/07/2021	1.680.000		
469	Phạm Tuyết Thủy		21/6/1980	Áp Vĩnh Lộc 1	17/08/2021	1.680.000		
470	Võ Tuấn Vũ	06/10/1988		Áp Vĩnh Lộc 1	17/08/2021	1.680.000		
471	Đinh Thị Phương Ngân		01/5/1997	Áp Vĩnh Lộc 1	17/08/2021	1.680.000		
472	Hồ Châu Lê Nguyễn	27/6/2000		Áp Vĩnh Lộc 1	17/08/2021	1.680.000		
473	Lê Thị Giới		01/01/1981	Áp Vĩnh Lộc 2	20/08/2021	1.680.000		
474	Lư Văn Tài	16/10/2005		Áp Vĩnh Lộc 2	20/08/2021	1.680.000		
475	Nguyễn Thị Thắm		10/10/1994	Áp Vĩnh Lộc 2	21/08/2021	1.680.000		
476	Nguyễn Thị Ngọc Loan		03/07/1966	Áp Vĩnh Lộc 2	21/08/2021	1.680.000		
477	Võ Thị Bích Tiền		10/04/1985	Áp Vĩnh Lộc I	21/08/2021	1.680.000		
478	Phạm Quốc Tín	08/02/1986		Áp Vĩnh Lộc I	21/08/2021	1.680.000		
479	Phạm Như Nguyễn	16/02/2000		Áp Vĩnh Lộc I	21/08/2021	1.680.000		

NAM
 CỘNG

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
480	Phạm Thị Mộng Trinh		23/03/1977	Ấp Vĩnh Lộc I	21/08/2021	1.680.000		
481	Dương Hùng Hào	13/09/1967		Ấp Vĩnh Lộc I	14/09/2021	1.120.000		
482	Nguyễn Thị Út Hết		10/02/1970	Ấp Vĩnh Lộc II	29/08/2021	1.360.000		
483	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1983	Ấp Vĩnh Lộc II	31/08/2021	1.200.000		
484	Nguyễn Văn Hợp			Ấp Vĩnh Lộc II	13/09/2021	1.120.000		
485	Lư Văn Tinh	01/01/1978		Ấp Vĩnh Lộc II	31/08/2021	1.200.000		
486	Lê Văn Côi	01/01/1982		Ấp Kinh IIA	29/08/2021	1.280.000		
	Tổng					154.000.000		
	Tổng cộng					749.280.000		
II.	TRẺ EM FO, F1 NHẬN HỖ TRỢ							
	Xã Phong Đông					23.000.000		
1	Huỳnh Ngọc Yến		29/10/2021	Cái Chanh	25/8/2021	1.000.000		
2	Huỳnh Thị Ba		16/8/2021	Cái Chanh	25/8/2021	1.000.000		
3	Huỳnh Ngọc Thành		20/08/2008	Cái Chanh	25/8/2021	1.000.000		
4	Võ Trung Tín	01/01/2008		Cái Chanh	23/8/2021	1.000.000		
5	Danh Chúc Huỳnh		14/05/2006	Cái Chanh	23/8/2021	1.000.000		
6	Lê Chí Nguyên	11/03/2020		Cái Chanh	16/8/2021	1.000.000		
7	Trương Hoàng Kiêm	06/04/2010		Cái Chanh	23/8/2021	1.000.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
8	Trương Kim Loan		07/04/2007	Cái Chanh	23/8/2021	1.000.000		
9	Danh Thị Kim Cương		27/12/2008	Cái Chanh	25/8/2021	1.000.000		
10	Lê Thị Cẩm Đăng		26/12/2012	Cái Chanh	28/8/2012	1.000.000		
11	Nguyễn Ngọc Ánh		17/02/2007	Cái Chanh	23/8/2021	1.000.000		
12	Nguyễn Lê Tường Vi		02/11/2019	Cái Chanh	11/8/2021	1.000.000		
13	Lê Minh Luân	30/09/2007		Cái Chanh	28/8/2021	1.000.000		
14	Nguyễn Thành Kiên	12/01/2021		Cái Chanh	18/8/2021	1.000.000		
15	Nguyễn Tiến Dương	04/04/2012		Thạnh Đông	19/8/2021	1.000.000		
16	Trần Minh Đường	11/11/2006		Thạnh Đông	23/8/2021	1.000.000		
17	Lê Hoài Thương	20/04/2010		Thạnh Đông	20/8/2021	1.000.000		
18	Lê Minh Trường	09/01/2015		Thạnh Đông	28/8/2021	1.000.000		
19	Danh Nhật Duy	10/04/2013		Thạnh Đông	25/8/2021	1.000.000		
20	Trần Văn Cửa	02/6/2006		Thạnh Đông	31/8/2021	1.000.000		
21	Nguyễn Thị Phương Thảo		16/01/2008	Thạnh Đông	31/8/2021	1.000.000		
22	Nguyễn Thị Yến Nhi		22/8/2011	Thạnh Đông	27/8/2021	1.000.000		
23	Trần Nguyễn Kiều Như		22/3/2012	Thạnh Đông	25/8/2021	1.000.000		
	Xã Vĩnh Bình Bắc					3.000.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
24	Thị Phi Ái		22/03/2006	ấp Đồng Tranh	29/8/2021	1.000.000		
25	Nguyễn Thiên Khánh	30/10/2017		ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.000.000		
26	Nguyễn Khánh Hà		17/01/2021	ấp Hiệp Hòa	14/7/2021	1.000.000		
	Xã Bình Minh					4.000.000		
27	Nguyễn Thị Hương Lan		11/3/2009	Bình Minh	01/9/2021	1.000.000		
28	Nguyễn Thị Ái Hằng		29/12/2012	Bờ Lờ B	31/8/2021	1.000.000		
29	Lê Phú Quý	02/6/2020		Bờ Lờ B	31/8/2021	1.000.000		
30	Nguyễn Thị Ái		01/1/2006	Cái Nứa	29/8/2021	1.000.000		
	Xã Vĩnh Phong					3.000.000		
31	Trần Gia Ngân		28/05/2019	ấp Căn Cứ	22/07/2021	1.000.000		
32	Trần Gia Mỹ		23/11/2020	ấp Căn Cứ	26/07/2021	1.000.000		
33	Phan Huỳnh Phúc Ân	08/11/2007		ấp Cạnh Đèn 1	05/08/2021	1.000.000		
	Xã Vĩnh Bình Nam					9.000.000		
34	Lê Hoàng Khang	06/02/2006		Ấp Bình Thành	28/8/2021	1.000.000		
35	Huỳnh Thiên Hưng	11/01/2006		Ấp Bờ Lờ A	12/8/2021	1.000.000		
36	Thái Văn Phúc	31/07/2012		Ấp Bờ Lờ A	09/8/2021	1.000.000		
37	Nguyễn Như Lộc		17/03/2006	Ấp Bờ Lờ A	31/8/2021	1.000.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
38	Nguyễn Phi Long	11/06/2017		Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.000.000		
39	Nguyễn Ngọc Khả Hân		12/03/2018	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.000.000		
40	Nguyễn Ngọc Bích Hằng		14/05/2013	Ấp Hòa Thành	11/8/2021	1.000.000		
41	Bùi Quốc Anh	27/05/2006		Ấp Bời Lời A	31/8/2021	1.000.000		
42	Nguyễn Như Huyền		04/10/2007	Ấp Bình Phong	23/8/2021	1.000.000		
	Xã Tân Thuận					17.000.000		
43	Lê Phước Thọ	14/03/2006		Ấp Kinh 1	25/8/2021	1.000.000		
44	Lê Thị Bích Nghi		01/06/2010	Ấp Kinh 1	25/8/2021	1.000.000		
45	Trần Tuấn Anh	31/01/2019		Ấp Kinh 1	14/9/2021	1.000.000		
46	Trần Gia Khánh		22/02/2012	Ấp Kinh 1	14/9/2021	1.000.000		
47	Trần Khánh Ly		15/08/2014	Ấp Kinh 1	16/9/2021	1.000.000		
48	Trần Khánh Đăng	25/07/2010		Ấp Kinh 1	16/9/2021	1.000.000		
49	Trần Thị Khánh Thi		13/11/2014	Ấp Kinh 1A	06/9/2021	1.000.000		
50	Trần Thiện Văn	30/08/2013		Ấp Kinh 1A	06/9/2021	1.000.000		
51	Trần Thiện Nhân	29/07/2017		Ấp Kinh 1A	06/9/2021	1.000.000		
52	Danh kỳ Anh	14/04/2009		Ấp Kinh 2	31/8/2021	1.000.000		
53	Danh Trung	04/12/2013		Ấp Kinh 2	25/8/2021	1.000.000		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ					
54	Thạch Thị Tú Trân		01/01/2018	Ấp Kinh 2	18/8/2021	1.000.000		
55	Thạch Quyên	01/01/2020		Ấp Kinh 2	18/8/2021	1.000.000		
56	Danh Nam	09/04/2012		Ấp Kinh 2	16/8/2021	1.000.000		
57	Phan Thanh Lộc	16/02/2017		Ấp Kinh 2A	29/8/2021	1.000.000		
58	Phan Thanh Huyền		16/09/2018	Ấp Kinh 2A	29/8/2021	1.000.000		
59	Nguyễn Văn Thanh Toàn	09/7/2013		Ấp Vĩnh Lộc	29/7/2021	1.000.000		
	Tổng:					59.000.000		
	Tổng cộng (I+II)					808.280.000		

(Bằng chữ: Tám trăm lẻ tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

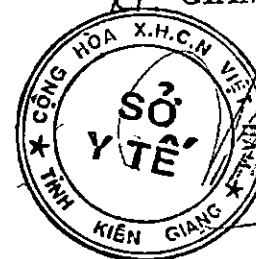
NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Văn Trung

Kiên Giang, ngày 08. tháng 3 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Đỗ Thiện Tùng